

Số: 3556 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác khoáng sản đất san lấp ở khu vực thực hiện dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc của Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 10024/UBND-CN ngày 13/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương lập hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình;

Xét Văn bản số 7486/STNMT-BVMT ngày 18/8/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực thực hiện dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1412/Tr-STNMT ngày 27/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực thực hiện dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã Đại

Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực thực hiện dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến thực hiện tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc, Giám đốc Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND các xã: Đại Lộc, Triệu Lộc (để g/sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực thực hiện
dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc,
Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH
Mạnh Nguyễn Tiến

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực thực hiện dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đại Lộc và Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến

+ Người đại diện: Nguyễn Tiến Dũng - Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ liên hệ: Ki ốt số 1 đường Nguyễn Trãi, phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án có diện tích thực hiện là 128.800 m², thuộc phạm vi diện tích nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Vị trí địa lý:

Diện tích	Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
S = 12,88 ha	1	2207475.45	586612.20
	2	2207331.85	586461.72
	3	2207263.77	586415.15
	4	2207214.63	586398.72
	5	2207000.20	586647.44
	6	2206907.96	586706.15
	7	2206816.36	586804.67
	8	2206893.77	586875.77
	9	2206919.96	586882.17

	10	2206986.40	586934.11
	11	2207238.69	586640.10
	12	2207264.80	586651.67
	13	2207304.82	586657.28
	14	2207324.28	586643.03
	15	2207369.77	586658.65
	16	2207393.27	586655.93

- Quy mô dự án:

+ Trữ lượng khai thác: 476.429m³;

+ Công suất: 1.429.287 m³/năm.

- Thời gian khai thác: Đến hết ngày 27/01/2025.

1.3. Công nghệ khai thác

- Khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp bằng từ trên xuống dưới, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực thi công công trình.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc lớp đất phủ → Bóc xúc → Vận chuyển → Công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- Mặt bằng tập kết máy móc, thiết bị: 2.000m².

- Thi công tạo diện công tác ban đầu: 500m².

- Tuyến đường thi công trong khu vực: 850m².

- Nhà điều hành (thùng contener): 30m².

- Nhà vệ sinh di động: 01 cái.

- Hồ lắng: 500m².

- Bãi thải: 250m².

- Rãnh thoát nước: 500m x 0,8m x 0,6m.

- Trạm cân: 30m² (10m x 3m).

- Bãi rửa xe: 50m² (10m x 5m).

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đất là vật liệu san lấp gồm: Bóc, xúc bốc, vận chuyển đất thành phẩm đến khu vực thi công công trình.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn khai thác như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, vận chuyển.
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động khai thác đất, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình xúc bốc, vận chuyển đất phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.
- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ moong, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn khai thác)

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng 1,25m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...

- Nước thải từ rửa lớp bánh xe khoảng 105,2m³/ngày (nhiều quá ko). Thành phần chủ yếu là TSS, váng dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn ngày mưa lớn nhất khoảng 5.977,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, bùn đất, cặn rác.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc, trút đổ đất lên xe ô tô, từ hoạt động vận chuyển đất trong khu vực khai thác, từ hoạt động vận chuyển đất thành phẩm đi tiêu thụ. Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9,2 kg/ngày. Thành phần chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, cọng rau, vỏ quả) chiếm 50% tương đương khoảng 4,6 kg/ngày; 15% chất thải rắn tái chế tương đương khoảng 1,38kg/ngày; 15% CTR có thể đốt cháy tương đương khoảng 1,38kg/ngày và 20% CTR tro khác tương đương khoảng 1,84kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường

- Đất thải từ quá trình khai thác khoảng 100-200 m³/tháng;
- Sinh khối phát quang khoảng 01 tấn/ha;
- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, hồ lắng.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất (loại) của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 2 kg/tháng phát sinh từ

hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 441 lít cho toàn bộ quá trình thi công.

3.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động bốc xúc đất từ khu vực khai thác lên các phương tiện vận chuyển, từ hoạt động di chuyển của thiết bị, phương tiện.

- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ moong, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong các giai đoạn của dự án (giai đoạn khai thác)

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải nhà vệ sinh: Thu gom bằng 01 nhà vệ sinh di động 03 ngăn, thể tích bể chứa nước thải vệ sinh khoảng 1,0 m³/bể. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Nước trên các tầng khai thác, sân công nghiệp → Rãnh thoát nước (kích thước dài 500m; rộng 0,8m; sâu 0,6m) → Hồ lắng thể tích 1.000m³ (tự chảy) → một phần tuần hoàn tái sử dụng cho rửa lốp bánh xe, một phần thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước rửa lốp bánh xe: Thu gom vào hố lắng ngay tại khu vực rửa bánh xe có thể tích 2m³ để lắng cặn, sau đó được dẫn về ao lắng có thể tích 1000m³, một phần tuần hoàn tái sử dụng cho rửa lốp bánh xe, một phần thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

4.1.2. Đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Bố trí khai thác hợp lý và vận chuyển đất thành phẩm theo hình thức cuốn chiếu để đảm bảo giảm thiểu tác động do bụi, khí thải gây ra.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong dự án; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Định kỳ quét dọn, phun nước giảm bụi khi trời hanh khô tại các khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải).

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại dự án theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác khoáng sản.

- Các phương tiện vận chuyển đất không chở quá trọng tải quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Bố trí khu vực rửa xe vận chuyển, các xe vận chuyển đất được rửa lốp, bánh xe với tần suất 1 chuyến/lần rửa tại khu vực gần cổng ra vào khu dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào 02 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy kín tại khu vực nhà điều hành. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất bóc hữu cơ một phần được tập kết về bãi thải có diện tích 250m² (kích thước 10m × 25m) và lưu giữ tại khu vực moong đã khai thác hết trữ lượng đất để chứa tạm; Sử dụng để san gạt hồ moong trả lại mặt bằng và/hoặc trồng cây trong giai đoạn xây dựng nhà máy.

- Sinh khối phát quang thực vật được người dân khai thác để sử dụng làm chất đốt.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng để trồng cây.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 02 thùng đựng chất thải nguy hại (dung tích 120 lít/thùng) để lưu chứa chất thải nguy hại dạng lỏng và 01 thùng phuy riêng với dung tích 100 lít/thùng dán nhãn để lưu trữ chất thải nguy hại dạng rắn. Lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 3m² (kích thước: 2m × 1,5m). Kho được thiết kế kiểu kho kín, gắn biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại dự án, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân.
- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Tại khu vực khai trường khai thác: Tiến hành gia cố bờ đáy moong khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.
- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra.
- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.
- Kiểm tra định kỳ công tác PCCC và yêu cầu CBCNV tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.
- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.
- Thực hiện phân luồng các chuyến vận chuyển đất thành phẩm đi tiêu thụ; thông báo đến chính quyền địa phương về kế hoạch khai thác và vận chuyển để giảm thiểu ảnh hưởng do việc vận chuyển đến an toàn giao thông của khu vực.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến các công trình cần cung cấp đất san lấp.

4.5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.5.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: San gạt mặt bằng, xử lý vách taluy, lắp đặt biển báo nguy hiểm và bàn giao lại cho Công ty cổ phần giải trí nghe nhìn Toàn Cầu;
- Khu vực xây dựng công trình: Di dời các công trình di động, máy móc thiết bị và bàn giao mặt bằng đã san gạt cho Công ty cổ phần giải trí nghe nhìn Toàn Cầu;
- Tuyến đường vận chuyển bên ngoài: Gia cố tuyến đường, nạo vét mương thoát nước.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Khu vực xây dựng các công trình	Đơn vị	Khối lượng
I	Khu vực khai thác		
1	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m	cái	20
2	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	20
3	Bạt mái taluy đai bảo vệ đất cấp	100m ³	21,30

4	Đào mương thoát nước	100m ³	2,40
5	San gạt mặt bằng moong khai thác bằng máy ủi 110CV	100m ³	150,85
II	Khu vực xây dựng các công trình		
1	Di dời công trình di động, máy móc thiết bị bằng ô tô 15 tấn	chuyên	2
III	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	1,072
2	Gia cố tuyến đường ngoại mở	100m ³	8,375

4.5.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 175.992.684 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm tám tư đồng).

- Số lần ký quỹ 01 lần; số tiền: 175.992.684 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm tám tư đồng).

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2024. Số tiền trượt giá sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ của dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và tự động, liên tục nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đảm bảo năng lực về con người, thiết bị, tài chính để thực hiện khai thác trong thời gian ngắn; xây dựng và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường giảm thiểu các tác động do hoạt động khai thác gây ra.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh đối với các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sạt lở, sụt lún, khả năng tiêu thoát nước, an toàn trong vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.